

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ

TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

| | Trang |
|---|---------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02 - 03 |
| Báo cáo Kiểm toán độc lập | 04 - 05 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán | 06 - 41 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 06 - 08 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 09 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 10 - 11 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | 12 - 41 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|---------------------|----------|
| Ông: Đỗ Hữu Hạ | Chủ tịch |
| Ông: Vũ Trọng Long | Ủy viên |
| Ông: Phạm Mạnh Hùng | Ủy viên |
| Ông: Đỗ Hữu Hưng | Ủy viên |
| Bà: Nguyễn Thị Hà | Ủy viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|-----------------------|-------------------|
| Ông: Đỗ Hữu Hạ | Tổng Giám đốc |
| Bà: Trần Thị Hoàng Hà | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông: Đỗ Hữu Hậu | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|-------------------------|------------|
| Bà: Nguyễn Thị Tươi | Trưởng ban |
| Bà: Phan Thị Thu Hương | Thành viên |
| Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 07 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được lập ngày 08 tháng 06 năm 2017, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã nhận chuyển nhượng 997.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt và 85.121.282 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (mã chứng khoán HHS) từ các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và các bên liên quan khác (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 39).

Do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần nên Công ty đang xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần tương ứng với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (công ty liên kết) theo giá trị sổ sách tại thời điểm mua, trong khi giá trị thị trường của cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy tại thời điểm mua lần đầu là 8.300 đồng/cổ phiếu. Chênh lệch giữa phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên nhận khoản đầu tư đang được Công ty ghi nhận vào Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017 theo hướng dẫn tại Điều 62 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 30).

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 40 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc Công ty con - Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh theo Biên bản kiểm tra số 63137/KL-CT-TTr1 ngày 07/10/2016 của Cục thuế Hà Nội.

Các vấn đề cần nhấn mạnh trên không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2017

Lê Văn Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
số: 1479-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | (Đã điều chỉnh) VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.311.732.205.917 | 1.034.055.431.986 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 03 | 527.522.459.306 | 196.866.745.489 |
| 111 | 1. Tiền | | 79.478.691.841 | 48.866.745.489 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 448.043.767.465 | 148.000.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 04 | 39.200.000.000 | 83.175.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 39.200.000.000 | 83.175.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 104.835.690.991 | 59.722.817.753 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 05 | 82.856.519.658 | 37.759.334.605 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 06 | 19.105.272.373 | 19.722.386.071 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 07 | 2.873.898.960 | 2.241.097.077 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 08 | 639.750.624.155 | 688.792.160.504 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 639.750.624.155 | 689.714.840.504 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | - | (922.680.000) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 423.431.465 | 5.498.708.240 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 418.668.128 | 613.684.333 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 1.763.337 | 4.881.960.907 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 16 | 3.000.000 | 3.063.000 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

(tiếp theo)

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | (Đã điều chỉnh) VND |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 3.332.144.129.653 | 998.117.336.790 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 252.750.000.000 | - |
| 212 | 1. Trả trước cho người bán dài hạn | 06 | 252.750.000.000 | - |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 77.337.833.518 | 456.641.164.285 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 24.028.325.047 | 208.132.819.491 |
| 222 | - Nguyên giá | | 52.080.175.059 | 234.582.538.059 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (28.051.850.012) | (26.449.718.568) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 11 | 53.309.508.471 | 248.508.344.794 |
| 228 | - Nguyên giá | | 56.329.385.890 | 251.329.385.890 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (3.019.877.419) | (2.821.041.096) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | 12 | 633.355.948.986 | 89.734.261.881 |
| 231 | - Nguyên giá | | 656.324.100.544 | 101.381.752.170 |
| 232 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (22.968.151.558) | (11.647.490.289) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | 09 | 658.147.271 | 28.392.190.869 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 658.147.271 | 28.392.190.869 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 04 | 2.367.048.823.933 | 423.133.482.672 |
| 252 | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 2.323.098.823.933 | 423.133.482.672 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 43.950.000.000 | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 993.375.945 | 216.237.083 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 173.112.800 | - |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 32 | 820.263.145 | 216.237.083 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 4.643.876.335.570 | 2.032.172.768.776 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | (Đã điều chỉnh) VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 216.034.676.367 | 367.673.108.544 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 170.283.294.197 | 362.954.503.620 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 14 | 42.907.293.281 | 59.073.448.906 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 15 | 53.959.067.341 | 127.830.485.325 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 16 | 33.160.898.612 | 86.048.813.794 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 15.217.517 | 15.217.517 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 17 | 29.380.502.604 | 59.809.706.311 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 19 | 8.374.633.250 | 2.332.400.065 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | 18 | 2.348.085.529 | 23.587.975.639 |
| 320 | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 13 | - | 4.118.860.000 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 137.596.063 | 137.596.063 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 45.751.382.170 | 4.718.604.924 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 18 | 45.751.382.170 | 3.218.604.924 |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 13 | - | 1.500.000.000 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 4.427.841.659.203 | 1.664.499.660.232 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 20 | 4.427.841.659.203 | 1.664.499.660.232 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 3.629.940.140.000 | 1.200.000.000.000 |
| 411a | Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết | | 3.629.940.140.000 | 1.200.000.000.000 |
| 421 | 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 797.867.217.389 | 443.958.977.344 |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 107.634.355.778 | 224.771.300.500 |
| 421b | LNST chưa phân phối năm nay | | 690.232.861.612 | 219.187.676.844 |
| 429 | 3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 34.301.813 | 20.540.682.888 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 4.643.876.335.570 | 2.032.172.768.776 |

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 07 tháng 06 năm 2017



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/03/2017

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Từ ngày 01/04/2016 | Từ ngày 01/04/2015 |
|-------|--|-------------|---------------------|---------------------|
| | | | đến ngày 31/03/2017 | đến ngày 31/03/2016 |
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22 | 1.436.680.227.178 | 1.148.100.399.490 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 23 | 3.409.090.910 | 22.727.273 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24 | 1.433.271.136.268 | 1.148.077.672.217 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 25 | 1.040.344.434.318 | 911.973.429.554 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 392.926.701.950 | 236.104.242.663 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 26 | 38.088.513.949 | 8.022.856.697 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 27 | 129.202.029 | 6.642.758.421 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | - | 5.921.520.142 |
| 24 | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | 8.864.473.386 | 2.125.213.809 |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | 28 | 8.761.496.580 | 3.561.190.563 |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 29 | 20.994.141.706 | 17.421.504.625 |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 409.994.848.970 | 218.626.859.560 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | 30 | 167.521.753.892 | 415.434.602 |
| 32 | 13. Chi phí khác | | 103.651.243 | 1.083.546.526 |
| 40 | 14. Lợi nhuận khác | | 167.418.102.649 | (668.111.924) |
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 577.412.951.619 | 217.958.747.636 |
| 51 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 31 | 77.272.172.354 | 47.661.529.172 |
| 52 | 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 32 | (604.026.062) | (216.237.083) |
| 60 | 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 500.744.805.327 | 170.513.455.547 |
| 61 | 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | | 500.424.525.923 | 160.104.453.269 |
| 62 | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | 320.279.404 | 10.409.002.278 |
| 70 | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 33 | 1.407 | 1.094 |

Hải Phòng, ngày 07 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bùi Thị Trà

Phùng Thị Thu Hương



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Từ ngày 01/04/2016 | Từ ngày 01/04/2015 |
|---|--|-------------|---------------------|---------------------|
| | | | đến ngày 31/03/2017 | đến ngày 31/03/2016 |
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 577.412.951.619 | 217.958.747.636 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | (200.924.736.175) | 7.122.008.746 |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | | 13.121.629.036 | 8.433.815.114 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | (922.680.000) | 922.680.000 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (119.311) | (1.829.857) |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (213.051.325.182) | (8.154.176.653) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | - | 5.921.520.142 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | (72.240.718) | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 376.488.215.444 | 225.080.756.382 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (292.113.904.213) | (32.424.070.350) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | (78.986.031.185) | 367.096.164.536 |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (94.678.330.801) | (604.790.197.937) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 21.903.405 | 5.912.050.240 |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | - | (5.921.520.142) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (135.457.165.352) | (26.860.653.289) |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (753.971.515) | (1.011.000.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (225.479.284.217) | (72.918.470.560) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (19.303.281.908) | (23.924.628.459) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | - | 251.634.343 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (737.372.000.000) | (41.175.000.000) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 781.347.000.000 | - |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (1.625.060.551.970) | (171.993.110.202) |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 26.050.000.000 | - |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 36.146.852.601 | 7.393.314.552 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (1.538.191.981.277) | (229.447.789.766) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Từ ngày 01/04/2016 | Từ ngày 01/04/2015 |
|--|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | đến ngày 31/03/2017 | đến ngày 31/03/2016 |
| | | | VND | VND |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | 2.099.945.720.000 | 110.102.650.000 |
| 33 | 2. Tiền thu từ đi vay | | 1.450.000.000 | 705.009.009.605 |
| 34 | 3. Tiền trả nợ gốc vay | | (7.068.860.000) | (813.131.284.863) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 2.094.326.860.000 | 1.980.374.742 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 330.655.594.506 | (300.385.885.584) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 196.866.745.489 | 497.250.801.216 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 119.311 | 1.829.857 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 03 | 527.522.459.306 | 196.866.745.489 |

Hải Phòng, ngày 07 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương



Đỗ Hữu Hạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/03/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.629.940.140.000 đồng; tương đương 362.994.014 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản và phương tiện vận tải.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản);

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 08/2016/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2016 về việc thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2016. Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện là 209.994.572 cổ phiếu; Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu. Vốn điều lệ Công ty tăng từ 1.200.000.000.000 đồng lên 3.299.945.720.000 đồng. Việc phát hành và nộp tiền mua cổ phần đã hoàn thành ngày 19/04/2016.
- Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn bổ sung vào các công ty con, công ty liên kết theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 8a/NQ-HĐQT ngày 19/07/2016 về việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu và góp vốn thành lập các Công ty gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang, Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng. Theo đó, Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ khi góp bổ sung vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà tăng từ 42,50% lên 48,00%; Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ khi góp vốn bổ sung tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu từ 44,44% lên 47,50%; Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang là 45,00% và quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng là 46,50%.
- Công ty đã thực hiện việc nhận chuyển nhượng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 03/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2016 về việc nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS). Theo đó, số cổ phần Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) đến ngày 31/03/2017 là 100.489.334 cổ phiếu, tương ứng 36,58%.
- Trong năm, Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt đã hoàn thành chuyển nhượng 2.605.000 Cổ phần (tương đương 26.050.000.000 đồng theo mệnh giá) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp với giá bán 10.000 đồng/Cổ phiếu, giảm tỷ lệ Quyền biểu quyết và Quyền sở hữu từ 31,82% xuống còn 19,98%.
- Ngày 05/10/2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh với Mã giao dịch là TCH.
- Ngày 12/01/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã hoàn thành phát hành bổ sung 32.999.442 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức năm 2015 và số lượng cổ phiếu nêu trên chính thức giao dịch trên Sàn Chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 12/01/2017. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết đến thời điểm 31/03/2017 là 362.994.014 cổ phiếu.
- Hoạt động phân phối xe đầu kéo nhập khẩu của Mỹ được Công ty bắt đầu triển khai từ tháng 7 năm 2015, dẫn tới doanh thu kỳ này tăng đột biến so với kỳ trước. Doanh thu hoạt động kinh doanh phân phối xe đầu kéo Mỹ và linh kiện xe ô tô đầu kéo Mỹ chiếm khoảng 83% tổng doanh thu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017.

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2017 bao gồm:

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--------------------------------------|-----------------------------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt | Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội | 99,997% | 99,997% | Đầu tư bất động sản |

Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn

Công ty đã hoàn thành việc góp vốn bổ sung vào công ty con theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 08b/2016/NQ-HĐQT ngày 19/4/2016 về việc góp vốn cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương Mại Hưng Việt lên 1.000 tỷ và Nghị quyết số 08d/2016/NQ-HĐQT ngày 20/05/2016 về việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt. Theo đó, số cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ là 99.997.000 cổ phần, tương ứng 99,997% tổng số vốn điều lệ trong Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt.

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/03/2017 bao gồm:

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|-------------------------------------|---------------|------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu | Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng | 47,50% | 47,50% | Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà | Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng | 48,00% | 48,00% | Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang | Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng | 48,00% | 48,00% | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, kinh doanh bất động sản |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang | Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng | 45,00% | 45,00% | Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng | Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng | 46,50% | 46,50% | Buôn bán ô tô và động cơ khác, bán phụ tùng ô tô, x máy, bảo dưỡng xe ô tô, kinh doanh bất động sản |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng | 36,58% | 36,58% | Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản |

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc ngày 31/03 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 03 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Giá trị hợp lý của Tài sản thuần

Do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định Giá trị hợp lý của Tài sản thuần nên Công ty xác định Giá trị hợp lý của Tài sản thuần khoản đầu tư vào Công ty liên kết bằng giá trị sổ sách tại thời điểm mua.

2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 26 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| - Các tài sản khác | 5 - 10 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 30 năm |
| - Phần mềm quản lý | 08 năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 26 - 44 năm

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm chi phí vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

CTCP
★
GA

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.028.677.043 | 788.858.393 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 78.450.014.798 | 48.077.887.096 |
| Các khoản tương đương tiền | 448.043.767.465 | 148.000.000.000 |
| | <u>527.522.459.306</u> | <u>196.866.745.489</u> |

Tại ngày 31/03/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 08 ngày có giá trị 1.069.000,00 USD tương đương 24.287.680.000 đồng với lãi suất là 0,0%/năm và các khoản tiền gửi VND có kỳ hạn từ 07 ngày đến 03 tháng có giá trị 423.756.087.465 đồng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 1,00%/năm đến 6,3%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/03/2017 | | 01/04/2016 | |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư ngắn hạn | 39.200.000.000 | 39.200.000.000 | 83.175.000.000 | 83.175.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 39.200.000.000 | 39.200.000.000 | 83.175.000.000 | 83.175.000.000 |
| | <u>39.200.000.000</u> | <u>39.200.000.000</u> | <u>83.175.000.000</u> | <u>83.175.000.000</u> |

Tại ngày 31/03/2017, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 39.200.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 6,2%/năm đến 6,3%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu | 20.718.015.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang | 3.761.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà | 9.804.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Quản lý Nhà Golden Land | 3.310.267.580 | 1.268.454.821 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam | 14.097.000.000 | 2.580.000.000 |
| - Công ty TNHH Thương mại và Vật tư Tân Ngọc Việt | - | 4.200.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng | 8.193.500.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh | 5.554.000.000 | - |
| - Công ty TNHH Thương mại Hồng Sơn Star | 4.891.000.000 | - |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 12.527.737.078 | 29.710.879.784 |
| | 82.856.519.658 | 37.759.334.605 |
| b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)</i> | 69.290.605.055 | 3.091.999.999 |

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

| | 31/03/2017 | | 01/04/2016 | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Cơ khí Quang Minh | 4.011.916.979 | - | 4.011.916.979 | - |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Linezone Việt Nam | 3.800.000.000 | - | 4.700.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư V.I.P Land | 3.132.000.000 | - | 3.132.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Nội thất Thủ đô | 2.038.005.705 | - | 2.038.005.705 | - |
| - Các khoản trả trước người bán khác | 6.123.349.689 | - | 5.840.463.387 | - |
| | 19.105.272.373 | - | 19.722.386.071 | - |

b) Dài hạn

| | | | | |
|--|------------------------|----------|----------|----------|
| - Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc HPLand (*) | 252.750.000.000 | - | - | - |
| | 252.750.000.000 | - | - | - |

(*) Tạm ứng tiền thi công xây dựng công trình Dự án tổ hợp Công trình hỗn hợp cao tầng thuộc Dự án Trung tâm thương mại Dịch vụ Nhà ở Golden Land Building tại số 275 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng số 15/2/2016/GoldenLand ngày 15/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt và Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc HPLand.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/03/2017 | | 01/04/2016 | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Dự thu lãi tiền gửi | 1.992.831.310 | - | 894.155.598 | - |
| - Phải thu Công ty Quản lý tòa nhà Golden Land về cho mượn tiền | - | - | 430.000.000 | - |
| - Tạm ứng cho người lao động | 711.830.082 | - | 753.913.227 | - |
| - Phải thu tiền tạm ứng người lao động đã nghỉ việc | 141.450.500 | - | 141.450.500 | - |
| - Phải thu khác | 27.787.068 | - | 21.577.752 | - |
| | 2.873.898.960 | - | 2.241.097.077 | - |

8. HÀNG TỒN KHO

| | 31/03/2017 | | 01/04/2016 | |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Hàng mua đang đi đường | 86.978.531.071 | - | - | - |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 1.242.557.912 | - | 1.852.248.545 | - |
| - Công cụ, dụng cụ | 64.479.162 | - | 12.700.913 | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*) | 401.013.988.926 | - | 583.976.062.962 | - |
| - Thành phẩm | 31.835.592.595 | - | 73.371.723.771 | - |
| - Hàng hóa | 12.850.538.096 | - | 26.437.403.803 | (922.680.000) |
| - Hàng gửi bán | 105.764.936.393 | - | 4.064.700.510 | - |
| | 639.750.624.155 | - | 689.714.840.504 | (922.680.000) |

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Dự án Chung cư Golden Land Building:

| | 31/03/2017 | | 01/04/2016 | |
|------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tòa nhà N01 | 259.965.659.094 | - | 449.786.583.494 | - |
| Tòa nhà N02 | 23.644.095.425 | - | 23.080.459.061 | - |
| Tòa nhà Trung tâm Thương mại | 117.404.234.407 | - | 111.109.020.407 | - |
| | 401.013.988.926 | - | 583.976.062.962 | - |

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

| | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|---|--------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | | |
| + Công trình Tòa nhà 183 Bà Triệu, Hà Nội | - | 28.392.190.869 |
| + Công trình xây dựng Chung cư tại Lê Lợi - Hải Phòng | 658.147.271 | - |
| | 658.147.271 | 28.392.190.869 |

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | TSCĐ dùng trong quản lý | TSCĐ hữu hình khác | Cộng |
|---------------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 222.869.747.274 | 2.015.589.550 | 8.663.227.727 | 958.064.008 | 75.909.500 | 234.582.538.059 |
| - Mua trong năm | 436.363.636 | - | - | 158.578.318 | - | 594.941.954 |
| - Tài sản nhận biếu tặng | - | - | - | 72.240.718 | - | 72.240.718 |
| - Chuyển sang Bất động sản đầu tư (*) | (183.169.545.672) | - | - | - | - | (183.169.545.672) |
| - Phân loại lại | - | 194.524.546 | - | (194.524.546) | - | - |
| Số dư cuối năm | 40.136.565.238 | 2.210.114.096 | 8.663.227.727 | 994.358.498 | 75.909.500 | 52.080.175.059 |
| Hao mòn TSCĐ | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 18.776.099.609 | 1.924.717.609 | 5.077.182.750 | 665.392.808 | 6.325.792 | 26.449.718.568 |
| - Khấu hao trong năm | 1.536.307.900 | 37.969.988 | 931.857.591 | 98.777.269 | 37.954.750 | 2.642.867.498 |
| - Chuyển sang BDS đầu tư (*) | (1.040.736.054) | - | - | - | - | (1.040.736.054) |
| Số dư cuối năm | 19.271.671.455 | 1.962.687.597 | 6.009.040.341 | 764.170.077 | 44.280.542 | 28.051.850.012 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 204.093.647.665 | 90.871.941 | 3.586.044.977 | 292.671.200 | 69.583.708 | 208.132.819.491 |
| Tại ngày cuối năm | 20.864.893.783 | 247.426.499 | 2.654.187.386 | 230.188.421 | 31.628.958 | 24.028.325.047 |

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.899.485.461 đồng

(*) Tầng hầm B1 + B2 Tòa nhà N01, Chung cư Golden Land số 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội tạm tăng theo cơ sở diện tích hoàn thành và được hạch toán sang Bất động sản đầu tư do trong năm Công ty cho thuê toàn bộ tài sản.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm | Cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 251.217.489.700 | 111.896.190 | 251.329.385.890 |
| - Chuyển sang Bất động sản đầu tư | (195.000.000.000) | - | (195.000.000.000) |
| Số dư cuối năm | 56.217.489.700 | 111.896.190 | 56.329.385.890 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 2.709.144.906 | 111.896.190 | 2.821.041.096 |
| - Khấu hao trong năm | 198.836.323 | - | 198.836.323 |
| Số dư cuối năm | 2.907.981.229 | 111.896.190 | 3.019.877.419 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 248.508.344.794 | - | 248.508.344.794 |
| Tại ngày cuối năm | 53.309.508.471 | - | 53.309.508.471 |

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 đồng

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

| | Quyền sử dụng đất | Nhà cửa, vật kiến trúc | Cộng |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | - | 101.381.752.170 | 101.381.752.170 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành tại 183 Bà Triệu (*) | - | 51.029.377.096 | 51.029.377.096 |
| - Tăng do chuyển từ TSCĐ Vô hình sang BĐS đầu tư (*) | 195.000.000.000 | - | 195.000.000.000 |
| - Tăng do chuyển TSCĐ Hữu hình sang BĐS đầu tư đối với Tầng hầm B1 + B2 - Tòa N01 Chung cư Golden | - | 183.169.545.672 | 183.169.545.672 |
| - Chuyển từ HTK sang Bất động sản đầu tư phần Trung tâm Thương mại, Tầng hầm B3 cho thuê trong năm | - | 128.539.260.869 | 128.539.260.869 |
| - Giảm do điều chỉnh dự toán đầu tư (Tầng hầm B1,B2) | - | (2.795.835.263) | (2.795.835.263) |
| Số dư cuối năm | 195.000.000.000 | 461.324.100.544 | 656.324.100.544 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | - | 11.647.490.289 | 11.647.490.289 |
| - Khấu hao trong năm | - | 10.279.925.215 | 10.279.925.215 |
| - Tăng do chuyển TSCĐ Hữu hình sang BĐS đầu tư | - | 1.040.736.054 | 1.040.736.054 |
| Số dư cuối năm | - | 22.968.151.558 | 22.968.151.558 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | - | 89.734.261.881 | 89.734.261.881 |
| Tại ngày cuối năm | 195.000.000.000 | 438.355.948.986 | 633.355.948.986 |

(*) Bất động sản đầu tư tại số 183 Bà Triệu, Thành phố Hà Nội:

- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại số 183 Bà Triệu, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107035271-01; Hồ sơ gốc số 6883.2003.QĐUB/17549.2003 do Sở Tài nguyên môi trường và nhà đất Hà Nội cấp ngày 14/12/2004, đăng ký sang tên nhận vốn góp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận Hai Bà Trưng ngày 8/5/2015 (được hạch toán chuyển từ TSCĐ vô hình sang BĐS Đầu tư).

- Giá trị xây dựng Tòa nhà văn phòng tại Số 183 Bà Triệu tạm tăng theo quyết định bàn giao đưa vào sử dụng ngày 01/04/2016 dựa trên chi phí thực tế phát sinh và dự toán một số hạng mục đã hoàn thành, chờ quyết toán.

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 01/04/2016 | | Trong năm | | 31/03/2017 | |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| - Vay ngắn hạn | 4.118.860.000 | 4.118.860.000 | 1.450.000.000 | 5.568.860.000 | - | - |
| + Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | - | - |
| + Bà Vũ Thị Huệ | 1.035.990.000 | 1.035.990.000 | - | 1.035.990.000 | - | - |
| + Ông Nguyễn Đăng Đức | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | - | 1.500.000.000 | - | - |
| + Vay cá nhân khác | 582.870.000 | 582.870.000 | 1.450.000.000 | 2.032.870.000 | - | - |
| | 4.118.860.000 | 4.118.860.000 | 1.450.000.000 | 5.568.860.000 | - | - |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| - Vay dài hạn | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | - | 1.500.000.000 | - | - |
| + Ông Nguyễn Đăng Đức | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | - | 1.500.000.000 | - | - |
| | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | - | 1.500.000.000 | - | - |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | - | - | - | - | - | - |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | | | - | - |

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN-NGÂN HẠN

| | 31/03/2017 | | 01/04/2016 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| - Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam | 12.697.827.651 | 12.697.827.651 | 22.697.827.651 | 22.697.827.651 |
| - Công ty Cổ phần Hawee Cơ điện | 24.494.339.716 | 24.494.339.716 | 22.933.636.004 | 22.933.636.004 |
| - Phải trả các đối tượng khác | 5.715.125.914 | 5.715.125.914 | 13.441.985.251 | 13.441.985.251 |
| | 42.907.293.281 | 42.907.293.281 | 59.073.448.906 | 59.073.448.906 |

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

| | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|--|-----------------------|------------------------|
| | VND | (Phân loại lại) VND |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang | - | 101.172.000.000 |
| - Navistar, Inc | 7.658.912.225 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phú Mẫn | 1.400.000.000 | 755.000.000 |
| - Tiền ứng trước theo tiến độ của khách hàng mua căn hộ chung cư | 41.341.850.784 | 21.169.219.376 |
| - Các khoản người mua trả tiền trước khác | 3.558.304.332 | 4.734.265.949 |
| | 53.959.067.341 | 127.830.485.325 |

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|--|---------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| - Thuế giá trị gia tăng | 63.000 | - | 133.351.319.004 | 130.466.203.415 | - | 2.885.052.589 |
| - Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 48.730.481.563 | 48.730.481.563 | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 86.018.750.088 | 79.550.397.689 | 135.457.165.352 | - | 30.111.982.425 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | 30.063.706 | 1.069.421.641 | 935.621.749 | - | 163.863.598 |
| - Thuế nhà đất, tiền thuế đất | - | - | 2.622.145.796 | 2.622.145.796 | - | - |
| - Các loại thuế khác | 3.000.000 | - | 6.000.000 | 6.000.000 | 3.000.000 | - |
| - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 621.499.872 | 621.499.872 | - | - |
| | 3.063.000 | 86.048.813.794 | 265.951.265.565 | 318.839.117.747 | 3.000.000 | 33.160.898.612 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí công trình đã ký hợp đồng và đang thực hiện tại dự án Chung cư Golden Land | 24.793.509.060 | 59.809.706.311 |
| - Trích trước chi phí đã thi công dự án Tòa nhà Văn phòng cho thuê tại 183, Bà Triệu Hà Nội | 4.586.993.544 | - |
| | 29.380.502.604 | 59.809.706.311 |

18. PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 317.067.000 | 840.000.000 |
| - Các khoản phải trả phải nộp khác | 2.031.018.529 | 22.747.975.639 |
| + <i>Phải trả Ban quản lý Chung cư Golden Land tiền phí bảo trì thu hộ</i> | 2.031.018.529 | 22.663.394.680 |
| + <i>Phải trả khác</i> | - | 84.580.959 |
| | 2.348.085.529 | 23.587.975.639 |
| b) Dài hạn | | |
| - Nhận ký quỹ, ký cược thuê mặt bằng, tài sản | 4.501.382.170 | 3.218.604.924 |
| - Nhận ký quỹ đảm bảo thực hiện thi công Tòa Trung tâm Thương mại Chung cư Golden Land của Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc HP Land | 41.250.000.000 | - |
| | 45.751.382.170 | 3.218.604.924 |

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

| | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận trước | 4.393.329.104 | 2.332.400.065 |
| - Lãi bán hàng nội bộ cho Công ty liên kết chưa thực hiện | 3.981.304.146 | - |
| | 8.374.633.250 | 2.332.400.065 |

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của CSH | Lợi nhuận chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|---|--------------------------|-----------------------------|------------------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 1.089.897.350.000 | 224.771.300.500 | 106.225.904.185 | 1.420.894.554.685 |
| Tăng vốn trong năm trước | 110.102.650.000 | - | - | 110.102.650.000 |
| Lãi trong năm trước | - | 160.104.453.269 | 10.409.002.278 | 170.513.455.547 |
| Thay đổi tỷ lệ lợi ích giữa Công ty mẹ và Cổ đông không kiểm soát | - | 59.094.223.575 | (95.094.223.575) | (36.000.000.000) |
| Giảm khác | - | (11.000.000) | (1.000.000.000) | (1.011.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 1.200.000.000.000 | 443.958.977.344 | 20.540.682.888 | 1.664.499.660.232 |
| Số dư đầu năm nay | 1.200.000.000.000 | 443.958.977.344 | 20.540.682.888 | 1.664.499.660.232 |
| Tăng vốn trong năm nay (1) | 2.099.945.720.000 | - | - | 2.099.945.720.000 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu (2) | 329.994.420.000 | (329.994.420.000) | - | - |
| Lãi trong năm nay | - | 500.424.525.923 | 320.279.404 | 500.744.805.327 |
| Ảnh hưởng của thay đổi lợi ích giữa Công ty mẹ và Cổ đông không kiểm soát (3) | - | 7.407.220.567 | (20.816.870.567) | (13.409.650.000) |
| Điều chỉnh ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ vốn góp tại Công ty liên kết (4) | - | 182.508.642.422 | - | 182.508.642.422 |
| Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo Biên bản kiểm tra thuế tại Công ty con | - | (2.278.156.988) | (68.347) | (2.278.225.335) |
| Điều chỉnh khác theo Biên bản kiểm tra thuế tại Công ty con | - | (4.052.044.578) | (121.565) | (4.052.166.143) |
| Giảm khác | - | (107.527.300) | (9.600.000) | (117.127.300) |
| Số dư cuối năm nay | 3.629.940.140.000 | 797.867.217.389 | 34.301.813 | 4.427.841.659.203 |

(1) Theo Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 06/2016/TT-HĐQT ngày 18/03/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 02/2016 ngày 30/03/2016 về việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tăng vốn điều lệ được thống nhất để sử dụng cho các mục đích sau:

- + Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh xe tải đầu kéo hiệu International (Navistar, Hoa Kỳ), phát triển hệ thống đại lý và các trung tâm 3S;
- + Góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt nhằm đầu tư giai đoạn 2 của dự án GoldenLand Building tại 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội;
- + Tham gia góp vốn, đầu tư các dự án xây dựng lại các chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- + Thực hiện M&A các công ty trong lĩnh vực cùng ngành, bao gồm nhưng không giới hạn các công ty kinh doanh hoặc sở hữu các cơ sở sản xuất ô tô, kinh doanh và sở hữu các tài sản, dự án bất động sản;
- + Đầu tư, góp vốn bổ sung các công ty liên kết nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh (nhằm trên khai các dự án BĐS tiềm năng, phát triển hoạt động sản xuất, phụ trợ, phân phối... trong lĩnh vực ô tô).

(2) Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 12/2016/NQ-HĐQT ngày 29/10/2016 Công ty công bố việc triển khai phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 như sau:

| | Số tiền |
|--|-----------------|
| | VND |
| Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu | 329.994.420.000 |
| Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) | 32.999.442 |

(3) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (Công ty mẹ) đầu tư thêm 640 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt (Công ty con), tương đương 64.000.000 cổ phần với giá 10.000 đồng/Cổ phần, đồng thời mua lại 997.000 cổ phần tại Công ty con từ Cổ đông khác với giá 13.450 đồng/Cổ phần. Theo đó, tỷ lệ vốn góp và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty con tăng từ 97,22% lên 99,997%.

(4) Trong năm, Công ty thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà, nâng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết lần lượt từ 44,44% lên 47,50% và từ 42,50% lên 48,00%; thực hiện chuyển nhượng một phần vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp, giảm tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết từ 31,82% xuống 19,98%.

Đồng thời, trong Quý I Năm tài chính 2016, Công ty thực hiện mua 67.420.772 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Hoàng Huy, tương ứng tỷ lệ lợi ích 24,54%, sau đó thực hiện mua bổ sung 33.068.182 Cổ phiếu trong Quý II Năm tài chính 2016 và 380 Cổ phiếu trong Quý III Năm tài chính 2016, nâng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Hoàng Huy từ 24,54% lên 36,58%.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Cuối năm | Tỷ lệ | Đầu năm | Tỷ lệ |
|----------------|--------------------------|----------------|--------------------------|----------------|
| | VND | % | VND | % |
| Ông Đỗ Hữu Hạ | 1.510.836.250.000 | 41,62% | 600.000.000.000 | 50,00% |
| Ông Đỗ Hữu Hậu | 181.500.000.000 | 5,00% | 60.000.000.000 | 5,00% |
| Cổ đông khác | 1.937.603.890.000 | 53,38% | 540.000.000.000 | 45,00% |
| | 3.629.940.140.000 | 100,00% | 1.200.000.000.000 | 100,00% |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu năm | 1.200.000.000.000 | 1.089.897.350.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | 2.429.940.140.000 | 110.102.650.000 |
| - Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| - Vốn góp cuối năm | 3.629.940.140.000 | 1.200.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 329.994.420.000 | - |

d) Cổ phiếu

| | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|--|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 362.994.014 | 120.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 362.994.014 | 120.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 362.994.014 | 120.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 362.994.014 | 120.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 362.994.014 | 120.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND): | 10.000 | 10.000 |

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

| | Đơn vị tính | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|----------|-------------|------------|------------|
| Đô la Mỹ | USD | 1.618,68 | 1.506,59 |
| Euro | EUR | 8,95 | 8,95 |

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng hóa | 20.638.848.345 | 155.715.785.691 |
| Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô | 33.983.909.091 | 79.351.454.545 |
| Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện | 1.191.426.731.295 | 474.023.386.863 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 147.765.409.784 | 413.488.298.045 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 42.865.328.663 | 25.512.201.620 |
| Doanh thu khác | - | 9.272.726 |
| | 1.436.680.227.178 | 1.148.100.399.490 |
| Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39) | 968.189.112.452 | 472.237.960.466 |

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| - Chiết khấu thương mại | - | 22.727.273 |
| - Hàng bán bị trả lại | 3.409.090.910 | - |
| | 3.409.090.910 | 22.727.273 |

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng hóa | 20.638.848.345 | 155.715.785.691 |
| Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô | 33.983.909.091 | 79.351.454.545 |
| Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện | 1.188.017.640.385 | 474.000.659.590 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 147.765.409.784 | 413.488.298.045 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 42.865.328.663 | 25.512.201.620 |
| Doanh thu khác | - | 9.272.726 |
| | 1.433.271.136.268 | 1.148.077.672.217 |

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hàng hóa | 19.741.359.391 | 111.446.816.450 |
| Giá vốn của thành phẩm xưởng ô tô đã bán | 26.741.499.532 | 68.522.314.031 |
| Giá vốn của ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện | 933.942.045.846 | 453.290.733.486 |
| Giá vốn kinh doanh Bất động sản | 84.598.404.354 | 282.298.395.581 |
| Giá vốn thay đổi do điều chỉnh lại dự toán đầu tư tòa nhà N01 | (47.036.409.680) | (12.355.235.728) |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 23.280.214.875 | 7.847.725.734 |
| Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (922.680.000) | 922.680.000 |
| | <u>1.040.344.434.318</u> | <u>911.973.429.554</u> |

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 17.103.874.382 | 7.475.442.882 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia (*) | 20.141.653.931 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 842.866.325 | 539.728.437 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 119.311 | 7.685.378 |
| | <u>38.088.513.949</u> | <u>8.022.856.697</u> |

(*) Số cổ tức bằng tiền Công ty nhận được từ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là 40.195.733.600 đồng, trong đó số cổ tức ghi nhận Doanh thu hoạt động tài chính trên Kết quả kinh doanh là 20.141.653.931 đồng, số cổ tức điều chỉnh giảm Giá gốc khoản đầu tư là 20.054.079.669 đồng.

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | - | 5.921.520.142 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 129.202.029 | 721.238.279 |
| | <u>129.202.029</u> | <u>6.642.758.421</u> |

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|-------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 138.875.000 | - |
| Chi phí nhân công | 2.450.160.723 | 1.139.525.873 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.959.512.389 | 1.240.389.390 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.212.948.468 | 1.181.275.300 |
| | <u>8.761.496.580</u> | <u>3.561.190.563</u> |

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 91.558.524 | - |
| Chi phí nhân công | 6.539.812.368 | 6.655.841.026 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.302.137.592 | 4.635.159.154 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.921.500.009 | 5.129.644.901 |
| Chi phí khác bằng tiền | 5.139.133.213 | 1.000.859.544 |
| | 20.994.141.706 | 17.421.504.625 |

30. THU NHẬP KHÁC

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | - | 228.758.494 |
| Chênh lệch giữa giá trị hợp lý của Tài sản thuần và giá phí khoản đầu tư tại thời điểm mua Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (*) | 166.941.323.483 | - |
| Thu nhập từ hàng được cho, biếu tặng | 151.236.106 | - |
| Tiền phạt thu được | 237.676.065 | - |
| Thu nhập từ khách hàng bỏ cọc hợp đồng | 112.000.000 | 148.190.000 |
| Thu nhập khác | 79.518.238 | 38.486.108 |
| | 167.521.753.892 | 415.434.602 |

(*) Chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư là 166.941 triệu đồng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/09/2016 theo hướng dẫn tại Điều 62 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy - Công ty mẹ | 54.707.271.075 | 17.169.535.419 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt - Công ty con | 22.564.901.279 | 30.491.993.753 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 77.272.172.354 | 47.661.529.172 |
| Các khoản điều chỉnh Chi phí thuế TNDN năm trước của Công ty con theo Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế Hà Nội | 2.278.225.335 | - |
| Thuế TNDN phải nộp trong năm | 79.550.397.689 | 47.661.529.172 |

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

| | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 820.263.145 | 216.237.083 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 820.263.145 | 216.237.083 |

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (796.260.829) | (216.237.083) |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 192.234.767 | - |
| | (604.026.062) | (216.237.083) |

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 500.424.525.923 | 160.104.453.269 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 500.424.525.923 | 160.104.453.269 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 355.646.393 | 146.411.333 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.407 | 1.094 |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.017.937.329.206 | 631.189.025.998 |
| Chi phí nhân công | 15.484.791.517 | 14.814.979.290 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 13.121.629.036 | 8.433.815.114 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 17.392.028.866 | 13.623.008.015 |
| Chi phí khác bằng tiền | 8.009.408.298 | 2.978.089.950 |
| | 1.071.945.186.923 | 671.038.918.367 |

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | 31/03/2017 | | 01/04/2016 | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tài sản tài chính | VND | VND | VND | VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 527.522.459.306 | - | 196.866.745.489 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 85.730.418.618 | - | 40.000.431.682 | - |
| Các khoản cho vay | 39.200.000.000 | - | 83.175.000.000 | - |
| Đầu tư dài hạn | 43.950.000.000 | - | - | - |
| | 696.402.877.924 | - | 320.042.177.171 | - |

| | Giá trị sổ kế toán | |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
| | VND | VND |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Vay và nợ | - | 5.618.860.000 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 91.006.760.980 | 85.880.029.469 |
| Chi phí phải trả | 29.380.502.604 | 59.809.706.311 |
| | 120.387.263.584 | 151.308.595.780 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 31/03/2017 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 527.522.459.306 | - | - | 527.522.459.306 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 85.730.418.618 | - | - | 85.730.418.618 |
| Các khoản cho vay | 39.200.000.000 | - | - | 39.200.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | - | 43.950.000.000 | 43.950.000.000 |
| | 652.452.877.924 | - | 43.950.000.000 | 696.402.877.924 |
| Tại ngày 01/04/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 196.866.745.489 | - | - | 196.866.745.489 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 40.000.431.682 | - | - | 40.000.431.682 |
| Các khoản cho vay | 83.175.000.000 | - | - | 83.175.000.000 |
| | 320.042.177.171 | - | - | 320.042.177.171 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 31/03/2017 | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 45.255.378.810 | 45.751.382.170 | - | 91.006.760.980 |
| Chi phí phải trả | 29.380.502.604 | - | - | 29.380.502.604 |
| | 74.635.881.414 | 45.751.382.170 | - | 120.387.263.584 |
| Tại ngày 01/04/2016 | | | | |
| Vay và nợ | 4.118.860.000 | 1.500.000.000 | - | 5.618.860.000 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 82.661.424.545 | 3.218.604.924 | - | 85.880.029.469 |
| Chi phí phải trả | 59.809.706.311 | - | - | 59.809.706.311 |
| | 146.589.990.856 | 4.718.604.924 | - | 151.308.595.780 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

| | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| a) Số tiền đi vay thực thu trong năm | | |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: | 1.450.000.000 | 705.009.009.605 |
| b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm | | |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: | 7.068.860.000 | 813.131.284.863 |

37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

| | Hoạt động kinh doanh phương tiện vận tải | Hoạt động kinh doanh bất động sản | Hoạt động cung cấp dịch vụ | Loại trừ | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|--|--|---|-------------------------------|--------------------|--------------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 1.242.640.397.821 | 147.765.409.784 | 42.865.328.663 | - | 1.433.271.136.268 |
| Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ | 263.138.173.052 | 110.203.415.110 | 19.585.113.788 | - | 392.926.701.950 |
| Tài sản bộ phận | 701.250.955.520 | 901.489.182.278 | 633.355.948.986 | 711.161.708 | 2.236.807.248.492 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | 2.406.248.823.933 |
| Tổng Tài sản | 701.250.955.520 | 901.489.182.278 | 633.355.948.986 | 711.161.708 | 4.643.056.072.425 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | 216.034.676.367 |
| Tổng Nợ phải trả | | | | | 216.034.676.367 |

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

| | Mối quan hệ | Từ 01/04/2016 | Từ 01/04/2015 |
|--|--|------------------------------------|-----------------|
| | | đến 31/03/2017 | đến 31/03/2016 |
| | | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu | Công ty liên kết | 176.167.272.746 | 75.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà | Công ty liên kết | 152.238.090.934 | 75.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang | Công ty liên kết | 59.853.021.486 | 2.362.330.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang | Công ty liên kết | 70.345.454.542 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng | Công ty liên kết | 66.036.818.178 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang | Công ty con của công ty liên kết | 304.944.545.476 | 376.133.181.864 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | Công ty liên kết | 32.894.818.181 | 76.888.357.697 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp | Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con | 105.709.090.909 | 16.704.090.905 |
| Cổ tức và lợi nhuận được chia | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | Công ty liên kết | 40.195.733.600 | - |
| Giá trị cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt trong giao dịch mua bán nội bộ | | | |
| Ông Đỗ Hữu Hậu | PTGD TCH và TV HĐQT kiêm TGD của Hưng Việt | 10.733.100.000 (798.000 CP) | - |
| Bà Đỗ Thị Huyền Trang | Vợ Thành viên HĐQT TCH | 2.676.550.000 (199.000 CP) | - |
| Giá trị cổ phiếu HHS trong giao dịch mua bán nội bộ | | | |
| Ông Đỗ Hữu Hạ | Chủ tịch HĐQT TCH và HHS | 439.297.672.000 (50.031.158 CP) | - |
| Bà Nguyễn Thị Hà | Thành viên HĐQT TCH và HHS | 42.494.700.000 (5.356.550 CP) | - |
| Ông Đỗ Hữu Hưng | Thành viên HĐQT TCH và HHS | 9.505.642.500 (1.067.825 CP) | - |
| Ông Đỗ Hữu Hậu | Thành viên HĐQT HHS, Phó TGD TCH | 172.435.862.000 (23.428.510 CP) | - |
| Bà Đỗ Thị Huyền Trang | Vợ Thành viên HĐQT TCH | 33.768.479.600 (4.411.964 CP) | - |
| Bà Mai Trang | Nguyên thành viên HĐQT HHS | 7.346.947.500 (825.275 CP) | - |

Ghi chú:

- TCH: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

- HHS: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

| | Mối quan hệ | 31/03/2017 | 01/04/2016 |
|--|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu | Công ty liên kết | 20.718.015.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà | Công ty liên kết | 9.804.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang | Công ty liên kết | 1.433.790.056 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang | Công ty liên kết | 5.554.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng | Công ty liên kết | 8.193.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang | Công ty con của công ty liên kết | 3.761.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | Công ty liên kết | 2.101.799.999 | 351.999.999 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp | Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con | 3.627.500.000 | 160.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang | Công ty liên kết | 14.097.000.000 | 2.580.000.000 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | | |
| Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang | Công ty con của công ty liên kết | - | 101.172.000.000 |
| Giao dịch với các bên liên quan khác như sau: | | | |
| | | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 | Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 |
| | | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT | | 536.980.000 | 371.889.925 |

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất được Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 31/03/2016. (do thay đổi kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 sang kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc ngày 31/03 hàng năm).

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

| | Mã số | Phân loại lại | Đã trình bày trên báo cáo năm trước | Chênh lệch |
|---------------------------------------|-------|------------------|-------------------------------------|------------------|
| | | VND | VND | VND |
| Bảng Cân đối kế toán hợp nhất | | | | |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn (1) | 312 | 127.830.485.325 | 106.661.265.949 | 21.169.219.376 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (1) | 318 | 2.332.400.065 | 23.501.619.441 | (21.169.219.376) |
| Tài sản cố định hữu hình (2) | 221 | 25.978.202.307 | 39.859.877.862 | (13.881.675.555) |
| - Nguyên giá | 222 | 51.189.974.205 | 76.301.795.101 | (25.111.820.896) |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | (25.211.771.898) | (36.441.917.239) | 11.230.145.341 |
| Bất động sản đầu tư (2) | 230 | 13.881.675.555 | - | 13.881.675.555 |
| - Nguyên giá | 231 | 25.111.820.896 | - | 25.111.820.896 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | (11.230.145.341) | - | (11.230.145.341) |

(1) Phân loại lại các khoản khách hàng thanh toán tiền mua căn hộ Chung cư theo tiến độ từ Chi tiêu "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" sang Chi tiêu "Người mua trả tiền trước ngắn hạn".

(2) Phân loại các Tài sản cố định là Nhà cửa vật kiến trúc cho thuê từ Tài sản cố định sang Bất động sản đầu tư.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra số 63137/KL-CT-TTr1 ngày 07/10/2016 của Cục thuế Hà Nội:

| | Mã số | Điều chỉnh lại | Đã trình bày trên báo cáo năm trước | Chênh lệch |
|--|-------|-----------------|-------------------------------------|------------------|
| Bảng Cân đối kế toán hợp nhất | | | | |
| Hàng tồn kho | 141 | 689.714.840.504 | 655.006.783.836 | 34.708.056.668 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 86.048.813.794 | 77.847.994.070 | 8.200.819.724 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 59.809.706.311 | 66.105.748.263 | (6.296.041.952) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 443.958.977.344 | 412.066.900.640 | 31.892.076.704 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | 20.540.682.888 | 19.629.480.696 | 911.202.192 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | | | | |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 911.973.429.554 | 924.328.665.282 | (12.355.235.728) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 47.661.529.172 | 45.190.482.026 | 2.471.047.146 |

41. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN NĂM 2016 SO VỚI NĂM TRƯỚC

Trong năm 2016, hoạt động kinh doanh phân phối xe đầu kéo Mỹ International của Công ty tăng trưởng mạnh về lượng và hiệu quả kinh doanh. Hoạt động kinh doanh bất động sản tiếp tục được ghi nhận doanh thu và lợi nhuận từ dự án Golden Land do Công ty con đầu tư. Tổng doanh thu hợp nhất của Công ty năm tài chính 2016 đạt 1.436.680.227.178 đồng, tăng mạnh so với con số 1.148.100.399.490 đồng của năm 2015. Trong năm, Công ty cũng có khoản thu nhập khác ghi nhận từ giao dịch mua tăng sở hữu của Công ty Liên kết. Đây là các lý do chủ yếu đem lại lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2016 của Công ty đạt 500.424.525.923 đồng, tăng 212.5% so với mức 160.104.453.269 đồng lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2015.

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 07 tháng 06 năm 2017



Đỗ Hữu Hạ